

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2023/HSST
Ngày: 15/9/ 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga, bà Nguyễn Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Mạnh Tường - Kiểm sát viên.

Đại diện VKSND thành phố (Tp) Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Lê Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2023/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với:

- **Bị cáo: Lê Chí Th;** giới tính: Nam; sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 14, phường D, TP H, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Chí V và bà Nguyễn Thị A. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** ông Lê Khánh H sinh năm 1975 (Đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại là: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (Vợ của ông Hòa); Nơi cư trú: Tổ 3, phường T, Tp H, tỉnh Hòa Bình;
(Bà H có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (Vợ ông Hòa); có mặt.

+ Ông Nguyễn Tất T, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Số 6/6, Th, S, S, Tp Hà Nội.

(Vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ph, phường M 2, quận Nam T, Tp Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1966

Nơi cư trú: số 10, đường M, Phường Ng, Tp Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng xe ô tô để đi lại nên ngày 30/8/2010, Lê Chí Th cùng ông Vũ Thế Th1, sinh năm 1970 (trú tại tổ 20, phường Chăm Mát, Tp Hòa Bình) là lái xe taxi đến Trung tâm thương mại và dịch vụ văn phòng Quỳnh Linh (địa chỉ: số 94, đường Chi Lăng, phường Đồng T, Tp Hòa Bình) gặp ông Lê Khánh H, sinh năm 1975 là chủ cơ sở để đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái. Ông Hòa đồng ý và cùng Lê Chí Th thiết lập hợp đồng với nội dung: ông Lê Khánh H cho Lê Chí Th thuê xe ô tô Toyota inova BKS 18N-7169, thời gian thuê từ ngày 30/8/20210 đến 14/9/2010, giá thuê 750.000đ/01 ngày đêm. Người thuê là Lê Chí Th, việc ông Vũ Thế Thành đi cùng là bảo đảm thủ tục thuê xe tự lái phải có giấy phép lái xe (trong khi Lê Chí Th không có giấy phép lái xe ô tô); Lê Chí Th nhờ ông Thành ký tên vào hợp đồng thuê xe giữa Lê Chí Th và ông Lê Khánh H, ông Thành đã đồng ý. Sau khi thống nhất và ký kết hợp đồng, Lê Chí Th nhận xe ô tô kèm theo đăng ký xe ô tô phôtô có công chứng và trả trước cho ông Lê Khánh H số tiền 5.000.000đ.

Sau khi thuê được xe ô tô, Lê Chí Th sử dụng làm phương tiện đi lại phục vụ sinh hoạt và công việc cá nhân. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, Lê Chí Th nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô đã thuê của ông Lê Khánh H đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do đó, đầu tháng 9/2010, Lê Chí Th điều khiển xe ô tô BKS 18N-7169 đến gặp ông Nguyễn Quang T1 (sinh năm 1973, trú tại thôn Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội) lúc ấy đang là giám đốc Công ty vận tải xây dựng công trình giao thông Hà Nội, đặt vấn đề để lại xe ô tô BKS 18N-7169, mang tên đăng ký xe là ông Trần Anh Tuấn (Nam Định) để vay tiền. Hai bên thống nhất ông

T1 cho Thanh vay 300.000.000đ Ba trăm triệu đồng) với lãi xuất 2000đ/1.000.000đ/01 ngày, ông T1 thiết lập một giấy mua bán xe, đề ngày 29/8/2010 với nội dung: Lê Chí Th bán chiếc xe ô tô BKS 18N-7169 cho ông T1 với giá 300.000.000đ. Mục đích giấy bán xe chỉ để ràng buộc trách nhiệm trả nợ, không phải là mua bán vì xe chỉ có đăng ký phô tô công chứng, không có bản gốc và không chính chủ. Sau khi nhận được số tiền 300.000.000đ, Lê Chí Th sử dụng hết vào mục đích cá nhân, do không có tiền trả để lấy lại xe trả lại cho ông Lê Khánh H nên Thanh đã bỏ trốn khỏi địa phương; xuống Tp Hà Nội sinh sống, sau đó Thanh vào Tp Hồ Chí Minh.

Sau khi hết thời hạn hợp đồng cho thuê xe, ông Hòa nhiều lần điện thoại cho Thanh yêu cầu trả xe và thực hiện hợp đồng, tuy nhiên Lê Chí Th lấy nhiều lý do để trì hoãn, sau đó tắt điện thoại không cho ông Hòa liên lạc. Do đó, ngày 21/11/2010 ông Lê Khánh H đã đến cơ quan Công an Tp Hòa Bình tố cáo hành vi của Lê Chí Th.

Đối với ông Nguyễn Quang T1, sau khi nhận chiếc xe ô tô BKS 18N-7169 từ Lê Chí Th, ông T1 mang chiếc xe ô tô trên đến “làm tín chấp” cho ông Nguyễn Tất T, sinh năm 1969 (trú tại: số 6/6, Thanh Vị, Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội) để vay số tiền 300.000.000đ với lãi xuất 1000đ/1.000.000đ/ 01 ngày. Sau khi biết chiếc xe ô tô nêu trên là vật chứng của vụ án, ngày 16/01/2011 ông Nguyễn Tất T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe BKS 18N-7169 cho cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT), Công an Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông T1 và ông T đều khai nhận trong hồ sơ, về thực chất số tiền 300.000.000đ ông T1 đưa cho Lê Chí Th là khoản tiền ông T1 nhận từ ông T. Nên nay ông T1 không có yêu cầu gì về số tiền này. Ông T1 và ông T đều nhất trí Lê Chí Th phải khắc phục hoàn trả tiền này cho ông T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG, ngày 19/7/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Hòa Bình kết luận: “Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; Số loại INOVA bản G; sản xuất và đưa vào sử dụng năm 2008; Biển kiểm soát 18N-7169; Nước sản xuất: Việt Nam; màu sơn: Ghi – Bạc; Số chỗ ngồi 08 chỗ; Số khung 189222603; Số máy 6518053; xe đã qua sử dụng, tại thời điểm tháng 9 năm 2010, có giá trị 484.000.000đ (Bốn trăm tám mươi tư triệu đồng).”

Về vật chứng trong vụ án: quá trình điều tra, cơ quan CSĐT thu giữ chiếc xe ô tô BKS 18N-7169 và các giấy tờ có liên quan. Ngày 18/01/2011, cơ quan Cảnh sát

điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08, trả lại chiếc xe nêu trên cho ông Lê Khánh H.

Về trách nhiệm dân sự (TNDS) trong vụ án: khi vụ án được phục hồi tiếp tục giải quyết, bị cáo Thanh đã tác động cùng gia đình bị cáo thỏa thuận, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H, vợ ông Hòa (đại diện hợp pháp của người bị hại) số tiền 30.000.000đ (bao gồm tiền thuê xe, chi phí tìm kiếm, một số hư hỏng nhẹ sây xước xe); tại phiên tòa bà H không yêu cầu Lê Chí Th phải bồi thường thêm khoản nào nữa. Ông Nguyễn Tất T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu Lê Chí Th phải khắc phục hoàn trả cho ông số tiền 300.000.000đ đã vay và để lại xe ô tô làm tin. Bị cáo cũng đã tác động cùng gia đình khắc phục hậu quả và hoàn trả cho ông T số tiền 160.000.000đ; số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) còn thiếu, tại phiên tòa bị cáo nhất trí hoàn trả trong thời gian sớm nhất cho ông T. Bà H và ông T đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 16/8/2023 của VKSND tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Lê Chí Th về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng: Khoản 3 Điều 175 – BLHS; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 – BLHS; Điều 38; Điều 54 - BLHS tuyên bố Lê Chí Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị HĐXX quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là: từ 36 đến 42 tháng tù – thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về TNDS: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 – BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 – Bộ luật dân sự 2015 (BLDS); ghi nhận việc bị cáo Lê Chí Th nhất trí tự nguyện khắc phục thiệt hại cho anh Nguyễn Tất T nốt số tiền còn lại 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Ông Lê Chí Vui không ý kiến gì thêm.

Vật chứng: Cơ quan CSĐT đã xử lý vật chứng của vụ án như vậy là phù hợp.

Về án phí: đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 136 – Bộ luật TTHS và quy định tương ứng tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, trong lời nói sau cùng bị cáo thể hiện đã rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nhất trí, tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra, số tiền 140.000.000đ còn thiếu của anh T bị cáo cũng nhất trí khắc phục hoàn trả cho anh T trong thời gian sớm nhất.

Đại diện hợp pháp của người bị hại (Bà H) xác nhận đã nhận lại tài sản xe ô tô, đã nhận bồi thường khắc phục hậu quả; bà H thấy rằng bị cáo đã rất ăn năn, hối cải nên nhất trí với bản luận tội của VKSND, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm của bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, Người T hành tố tụng:

Cơ quan CSĐT, Điều tra viên, VKSND thành phố Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật TTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, hành vi mà bị cáo đã thực hiện:

Tại phiên tòa, Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của Bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ; phù hợp với vật chứng thu được của vụ án, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập nên có đủ cơ sở xác định:

- Lê Chí Th, sau khi nhận được tài sản xe ô tô Toyota Inova BKS 18N1-7169 thuê theo hợp đồng ngày 30/8/2010 từ anh Lê Khánh H; Thanh sử dụng xe ô tô để đi lại, phục vụ công việc được khoảng 2 -> 3 ngày thì nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô đã thuê đi cầm cố lấy 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), mục đích chi tiêu cá

nhân. Đến khi hết hợp đồng thuê xe, do không có tiền trả lấy xe về nên Thanh đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS), nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 – BLHS.

[3] Về nhân thân người phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- *Về tình tiết giảm nhẹ TNHS*

+ *Về tình tiết tăng nặng TNHS:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS theo Điều 52 – BLHS.

+ *Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:* Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (Là 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Khoản 1 Điều 51 – BLHS); ngoài ra, bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến và huân chương kháng chiến Hạng Nhì; tài sản xe ô tô đã được thu hồi về trả lại cho người bị hại; đại diện bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ TNHS cho bị cáo; trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự (là các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác quy định tại Khoản 2 Điều 51 – BLHS);

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết như phân tích trên; xét thấy đề nghị của đại diện VKSDN là phù hợp; cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo, răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Đề nghị của Đại diện VKSND về việc áp dụng Điều 54 – BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là có thể chấp nhận, nhằm cho bị cáo một cơ hội sửa chữa vi phạm của bản thân – thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS và biết ăn năn, hối cải.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe ô tô Toyota Inova BKS 18N1-7169, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ hợp pháp là anh Lê Khánh H là phù hợp.

Ngoài ra, đối với ông Vũ Thế Thành, là người đi cùng Lê Chí Th đến gặp ông Lê Khánh H khi Lê Chí Th thuê xe ô tô; quá trình điều tra, xác định ông Thành không

được bàn bạc, thống nhất hay hưởng lợi gì với hành vi phạm tội của Lê Chí Th, cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp của người bị hại nhận bồi thường số tiền 30.000.000đ, chị H đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào nữa.

- Anh Nguyễn Tất T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo Lê Chí Th phải khắc phục, hoàn trả cho anh T số tiền 300.000.000đ, bị cáo đã tích cực tác động để gia đình bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, hoàn trả cho anh T được số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu), còn lại 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) bị cáo nhận nghĩa vụ hoàn trả. Hai bên thống nhất, thỏa thuận, không yêu cầu gì thêm.

Những thỏa thuận, tự nguyện nêu trên của các bên bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với quy định Điều 48 – BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 – BLDS. HĐXX ghi nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST); án phí về dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự (Đối với phần trách nhiệm, nghĩa vụ dân sự còn phải tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận) theo quy định **Khoản 2, Điều 135; Điều 136 của Bộ luật TTHS**; Điểm a, c Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên, HĐXX, TAND Thành phố Hòa Bình;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3, Điều 175; Điểm b, s, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của BLHS;

Điều 48 – BLHS;

Điều 584, 585, 586, 589 – BLDS;

Căn cứ **Khoản 2, Điều 135; Điều 136 của Bộ luật TTHS**;

Điểm a, c Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. **Tuyên bố:** Lê Chí Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

2. **Xử phạt:** Lê Chí Th 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày **10/11/2022**.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả giữa các bên: bị cáo, đại diện người bị hại (Bà H), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông T);

+ Theo đó, bà H đã nhận đủ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), bị cáo không phải bồi thường thêm khoản nào nữa.

+ Ông Nguyễn Tất T đã nhận số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu); bị cáo còn có nghĩa vụ hoàn trả nốt cho ông T số tiền: 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo Lê Chí Th không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả trả cho ông T số tiền nói trên thì hàng tháng Lê Chí Th còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. *Về án phí:* Lê Chí Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí về dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại (bà H) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- CQ THA HS - CA TPHB;
- Chi cục THA DS TPHB;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- UBND phường Dân Chủ;
- Bị cáo; địa diện bị hại; NCQL,NVLQ;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Lan Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA